



TẠP CHÍ

Ngân hàng

BANKING REVIEW

ISSN - 0866 - 7462

Số 13 7/2014

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM - STATE BANK OF VIETNAM

Dự án Tài chính Nông thôn III - Tăng cường đầu tư vốn phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững



Sử dụng mô hình VARs
cho dự báo lạm phát tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Huân chương Lao động
hạng Ba (1987)Huân chương Lao động
hạng Nhì (1992)Huân chương Lao động
hạng Nhất (2010)

MỤC LỤC SỐ 13 THÁNG 7/2014

NĂM THỨ 62

TẠP CHÍ LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Đào Minh Phúc

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS., TS. Nguyễn Đắc Hưng

TS. Nguyễn Dinh Trung

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Toàn Thắng - Chủ tịch

TS. Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch TT

PGS., TS. Nguyễn Kim Anh

NGND., PGS., TS. Tô Ngọc Hưng

PGS., TS. Tô Kim Ngọc

PGS., TS. Nguyễn Dinh Tho

TS. Nguyễn Ngọc Bảo

TS. Hoàng Huy Hà

TS. Phí Trọng Hiển

TS. Phạm Huy Hùng

TS. Nguyễn Đức Hường

TS. Nguyễn Danh Lương

TS. Đào Minh Phúc

TS. Nguyễn Thị Kim Thanh

ThS. Nguyễn Thị Hồng

ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa

ThS. Đoàn Thái Sơn

TÒA SOẠN

Số 25 Lý Thường Kiệt,

quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

E-mail: banbientaptcnh@gmail.com

Fax: (04) 39392192

THƯ KÝ - BIÊN TẬP

ĐT: (04) 39392185

PHÁT HÀNH, QUẢNG CÁO

ĐT: (04) 39392187

Giấy phép xuất bản số: 59/GP-BVHTT

In tại: Xí nghiệp In/Nhà máy Z176

ĐT: (04) 37534714 - (069) 556120

Giá: 25.000 đồng

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ VĨ MÔ

2- Sử dụng mô hình VARs cho dự báo lạm phát tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

ThS. Trần Thanh Hoa,

ThS. Bùi Thị Trang Dung

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

7- Linh hoạt tỷ giá để bình ổn vĩ mô.

TS. Nguyễn Minh Phong

11- Giải pháp đổi mới hoạt động đào tạo xây dựng đội ngũ chuyên gia hệ thống Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Trần Hữu Thắng và nhóm nghiên cứu

CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

14- Hoàn thiện mô hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã ở Việt Nam - Bài học từ mô hình ngân hàng hợp tác xã ở Cộng hòa Liên bang Đức.

TS. Trần Quang Khánh

17- Thanh toán thẻ phát triển nhanh hướng dẫn đến bền vững ở Việt Nam.

TS. Dương Hồng Phương

22- Vai trò của sở hữu nhà nước tại các ngân hàng thương mại và một số gợi ý chính sách.

ThS. Đặng Thị Thu Hằng,

ThS. Trần Việt Dũng

26- Ứng dụng Stress Test để đo lường sức chịu đựng rủi ro thị trường của các NHTM Việt Nam.

ThS. Nguyễn Minh Sáng,

Cao Thị Ngọc Quý

DOANH NGHIỆP VỚI NGÂN HÀNG

34- Hoàn thiện quy định về giao dịch bảo đảm bằng tài khoản ngân hàng.

ThS. Bùi Đức Giang,

ThS. Lê Quốc Khanh

38- Khai thông mối quan hệ hợp tác giữa ngân hàng với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

ThS. Phạm Minh Trí

NGÂN HÀNG VỚI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

42- Dự án Tài chính Nông thôn III - Tăng cường đầu tư vốn phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững.

Phạm Thị Ngọc Anh

TÀI CHÍNH TIÊU DÙNG

46- Bất cập và khuyến nghị hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính tiêu dùng.

Đậu Thị Mai Hương

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

VÌ AN SINH XÃ HỘI

49- Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định.

N.D.H

TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG QUỐC TẾ

53- Ngân hàng truyền thống trước áp lực của ngân hàng "Bóng tối".

ThS. Đào Thị Hồ Hương

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẨM GIƯƠNG

ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

57- Cần tẩy sạch bệnh quan liêu mệnh lệnh.

TIN TỨC

Ảnh bìa 1: Những tháng đầu năm 2014, Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaoVietBank) đã đưa ra nhiều sản phẩm dịch vụ mới và nhiều chương trình cho vay ưu đãi, nhằm phục vụ khách hàng một cách tối ưu. BaoVietBank hiện phục vụ khách hàng với nhiều chương trình cho vay ưu đãi như: ưu đãi cho khách hàng sử dụng dịch vụ trả lương tự động (Payroll Plus), miễn phí mở tài khoản thanh toán, giảm phí bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp, ưu đãi bảo hiểm tài sản, ưu đãi lãi suất cho khách hàng thay lời cảm ơn... Trong ảnh: Khách hàng giao dịch tại BaoVietBank chi nhánh Hà Nội. Ảnh: Trần Việt - TTXVN.



ỨNG DỤNG STRESS TEST ĐỂ ĐO LƯỜNG SỨC CHỊU ĐỰNG RỦI RO THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC NHTM VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Minh Sáng - Cao Thị Ngọc Quý *

Đặt vấn đề

Giai đoạn 2012 - 2013 qua đi, hoạt động ngân hàng nổi lên hàng loạt vấn đề bức xúc như: nợ xấu, tín dụng đen, thâm hụt vốn.... Trước tình hình này, chuyên gia ngân hàng TS. Nguyễn Thị Thanh Hương nhận định “chưa bao giờ vấn đề nâng cao năng lực quản trị rủi ro lại cấp bách đến như vậy”. Hệ thống quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam được đánh giá ở mức trung bình thậm chí một số ngân hàng còn ở mức dưới trung bình. Vì vậy, hệ thống quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam cần được quan tâm và chú trọng hơn nữa, đặc biệt là rủi ro thị trường. Trong đó hai nhân tố chính là lãi suất và tỷ giá.

Mô hình stress test được giới thiệu năm 1990, tuy nhiên, đến cuộc khủng hoảng tài chính 2008, mô hình này mới được áp dụng rộng rãi. Cho đến nay, mô hình này được áp dụng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc áp dụng mô hình này còn nhiều hạn chế, thậm chí chưa được áp dụng tại nhiều ngân hàng. Trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả áp dụng mô hình stress test đồng thời hai cú sốc rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các NHTM Việt Nam.

Cơ sở lý thuyết

Rủi ro thị trường trong hoạt động ngân hàng là rủi ro tiềm ẩn gây

* Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

ra tác động tiêu cực đối với thu nhập hoặc vốn của NHTM do những biến động bất lợi của các yếu tố trên thị trường như: lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán, giá hàng hóa. [GS., TS. Nguyễn Văn Tiến, (2005)] Ngân hàng không thể tác động làm thay đổi các yếu tố này, mà chỉ có thể dự báo xu hướng, tính toán mức độ ảnh hưởng để từ đó đưa ra các biện pháp chủ động điều chỉnh quy mô, cơ cấu tài sản có sao cho hạn chế thấp nhất tổn thất có thể xảy ra thông qua việc kết hợp mô hình hiện đại trong việc ước lượng rủi ro. Trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung vào do lường cũng như kiểm tra sức chịu đựng của các NHTM Việt Nam đối với rủi ro lãi suất và tỷ giá.

Rủi ro lãi suất là những tổn thất về giá trị thị trường của tài sản và thu nhập (khả năng suy giảm thu nhập lãi ròng) mà ngân hàng phải gánh chịu khi lãi suất thị trường biến động. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro lãi suất là do: Sự không cân xứng về kỳ hạn tài sản Có và tài sản Nợ; Áp dụng các loại lãi suất khác nhau trong quá trình huy động và cho vay; Sự mất cân đối giữa nguồn vốn huy động và dư nợ tín dụng; Tỷ lệ lạm phát thực tế diễn biến vượt quá tỷ lệ lạm phát dự kiến, khiến cho vốn của ngân hàng không được bảo toàn sau khi cho vay [Học viện ngân hàng, (2001)]. Mô hình định lượng rủi ro lãi suất bao gồm mô hình định giá lại và mô hình thời lượng.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xuất phát từ sự thay đổi tỷ giá giữa tiền bản địa và ngoại tệ. Hai nguyên nhân chính làm phát sinh rủi ro tỷ giá đó là ngân hàng duy trì sự không cân bằng trạng thái ngoại hối và sự biến động của tỷ giá hối đoái. Một trong những công cụ có thể giúp cho các ngân hàng có thể hạn chế được rủi ro tỷ giá là việc tuân thủ đầy đủ các giới hạn trạng thái ngoại hối. Có hai phương pháp do lường rủi ro tỷ giá là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp.

Mối quan hệ giữa yếu tố lãi suất và tỷ giá: Việc đầu tiên cần phải giải quyết để thực hiện mô hình là xem xét yếu tố nào tác động đến yếu tố nào? Có nghĩa là, chúng ta phải trả lời câu hỏi công cụ lãi suất tác động đến việc điều hành chính sách tỷ giá hay công cụ tỷ giá tác động đến việc điều hành chính sách lãi suất. Điều này hết sức quan trọng trong việc thực hiện stress test vì trong quá trình xây dựng kịch bản để gây sốc, chúng ta cần thiết lập các giả định trên yếu tố gây tác động để tính ra mức độ ảnh hưởng đến nhân tố bị tác động. Lý thuyết hiệu ứng Fisher quốc tế (IFE) và học thuyết ngang giá lãi suất (IRP) sẽ làm rõ mối quan hệ này.

Lý thuyết hiệu ứng Fisher quốc tế: Lý thuyết hiệu ứng Fisher quốc tế sử dụng lãi suất để giải thích tại sao tỷ giá hối đoái thay đổi theo thời gian. Lý thuyết hiệu ứng Fisher được tạo nên từ sự kết hợp của học thuyết ngang giá lãi suất không có bảo hiểm (UIP) và học thuyết ngang giá sức mua (PPP). Theo UIP:

$$\Delta S^e = i_t - i_t^* \quad (1)$$

Theo PPP:

$$\Delta S^e = \Delta P^e - \Delta P^{*e} \quad (2)$$

Từ đây, kết hợp với hiệu ứng Fisher, ta có hiệu ứng Fisher quốc

tế như sau:

$$i - i^* = \Delta P^e - \Delta P^{e*} \leftrightarrow i - \Delta P^e = i^* - \Delta P^{e*} \quad (3)$$

(4)

$r^e = r^*$

Điều kiện Fisher trong nền kinh tế mở nói rằng mức lãi suất thực giữa các đồng tiền luôn kỳ vọng là bằng nhau. Ngược lại với học thuyết ngang giá lãi suất, hiệu ứng Fisher quốc tế chú trọng đến việc tỷ giá giao ngay của một đồng tiền sẽ thay đổi theo thời gian, khẳng định rằng tỷ giá giao ngay sẽ thay đổi theo chênh lệch lãi suất giữa hai nước. Chính sách lãi suất cao có xu hướng hỗ trợ sự lên giá của nội tệ, ngược lại, nếu lãi suất trong nước thấp hơn so với lãi suất nước ngoài hay lãi suất ngoại tệ, đồng ngoại tệ có xu hướng tăng giá trên thị trường hay đồng nội tệ sẽ giảm giá.

Học thuyết ngang giá lãi suất: Học thuyết ngang giá lãi suất giải thích vì sao tỷ giá kỳ hạn khác với tỷ giá giao ngay và mức độ chênh lệch chính là do sự chênh lệch lãi suất. Học thuyết này liên quan đến một thời điểm nhất định (tỷ giá kỳ hạn), khẳng định tỷ giá hối đoái chịu ảnh hưởng sự sai biệt trong lãi suất. Học thuyết ngang giá lãi suất có hai mẫu là mẫu có bảo hiểm và mẫu không có bảo hiểm. Mẫu có bảo hiểm (bảo hiểm rủi ro tỷ giá) tức là mua bán lượng ngoại tệ dự kiến sẽ chi ra hay thu về vào thời điểm t theo tỷ giá kỳ hạn F_t , thỏa thuận hôm nay. Mẫu không có bảo hiểm tức là việc sử dụng tỷ giá giao ngay trong tương lai S_t , vào thời điểm phát sinh dòng tiền chi ra hay thu về.

Học thuyết ngang bằng lãi suất có bảo hiểm (CIP)

Theo lý thuyết ngang giá về lãi suất trong một môi trường tài chính hoàn hảo và ở trạng thái cân bằng, chứng khoán cùng kỳ hạn và cùng độ rủi ro thì tại các thị trường quốc gia khác nhau phải có mức chênh lệch lãi suất ngang bằng với điểm kỳ hạn tương ứng của tỷ giá. Nghĩa là, đồng tiền của một quốc gia nào đó có lãi suất thấp hơn thì nhất định sẽ là bù kỳ hạn cho hợp đồng kỳ hạn đối với đồng tiền của một quốc gia khác có lãi suất cao hơn.

Hệ quả: Chỉ cần quan sát lãi suất hai đồng tiền thì có thể dự báo được đồng tiền nào sẽ lên giá hay giảm giá và tỷ lệ lên giá hay giảm giá tương đương với chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền. Đây cũng là cơ sở xác định tỷ giá kỳ hạn F_t như sau và lưu ý là các kỳ hạn của các yếu tố trong công thức phải đồng kỳ hạn.

$$F_t = S(1 + f_t) = S \left(\frac{1 + i_t}{1 + i_t^*} \right) \quad (5)$$

Tuy nhiên, trong thực tế, tỷ giá thị trường thường lệch khỏi tỷ giá được hình thành trên cơ sở ngang giá lãi suất, bởi lẽ trạng thái cân bằng lãi suất của tỷ giá

chỉ tồn tại trong một số điều kiện nhất định như chu chuyển vốn trên thị trường tài chính phải hoàn toàn tự do, chi phí giao dịch bằng không (0), rủi ro trong đầu tư vào các tài sản tài chính bằng nhau.

Học thuyết ngang giá lãi suất không có bảo hiểm (UIP)

Nội dung của học thuyết ngang giá lãi suất không có bảo hiểm nói rằng: trong thị trường tài chính hoàn hảo và trung lập về rủi ro ở trạng thái cân bằng mức chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền tại các quốc gia sẽ ngang bằng với tốc độ thay đổi tỷ giá giao ngay trong cùng kỳ hạn:

$$F_t = S(1 + f_t) = S \left(\frac{1 + i_t}{1 + i_t^*} \right) \quad (6)$$

$$\Leftrightarrow$$

$$\Delta S^e \approx i_t - i_t^* \quad (7)$$

Hệ quả: Chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền phải phản ánh tỷ lệ biến động kỳ vọng của tỷ giá giao ngay và nếu UIP tồn tại thì đồng tiền có lãi suất cao được kỳ vọng là giảm giá trong tương lai và ngược lại. Điều này giúp giải thích tại sao dòng vốn từ các nước giàu (lãi suất thấp) không đổ dồn đến các nước nghèo (lãi suất cao) vì lợi nhuận từ chênh lệch lãi suất bị bù trừ bởi tổn thất từ sự giảm giá của đồng tiền đầu tư trong tương lai và đây cũng được xem là cơ sở quan trọng trong việc dự báo tỷ giá (Nguyễn Văn Tiến, 2011).

Tổng quan về mô hình stress test

Stress test là công cụ quan trọng về quản lý rủi ro nội bộ của các ngân hàng được phát triển bởi các nhà giám sát trên cơ sở nguyên tắc an toàn vốn của Basel II. (Bùi Đình Phương Dung, 2012). Trong quản lý ngân hàng, stress test đưa ra cảnh báo về những kết quả bất lợi liên quan đến các rủi ro và chỉ ra các cầu vốn cần thiết để tiếp nhận tổn thất khi xảy ra các cú sốc lớn (Martin Cihak, 2007). Ngoài ra, stress test là công cụ hỗ trợ tiếp cận các biện pháp xử lý rủi ro khác.

Theo định nghĩa của Ủy ban Basel: "Kiểm tra sức chịu đựng (Stress testing - Stress test) sử dụng nhằm mô tả các kỹ thuật đánh giá mức độ tổn thương của một danh mục đầu tư do những thay đổi của các yếu tố môi trường kinh tế vĩ mô hoặc do tác động của những sự kiện có tính chất cực độ, ngoại lệ và bất thường (extreme) nhưng có khả năng xảy ra (plausible)". Stress test được hiểu như các thử nghiệm về sức mạnh phòng thủ cũng như giúp chỉ ra những điểm yếu của các tổ chức tín dụng đối với các cú sốc tài chính của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, các cơ quan thanh tra, giám sát cũng như các tổ chức tài chính ngân hàng có thể đưa ra các biện pháp đề phòng, cải thiện giải

quyết với những tình huống này (*Đường Quốc Anh và nhóm tác giả, 2012*). Kết quả của stress test sẽ chỉ ra được các điểm yếu tiềm ẩn trên danh mục các tài sản hoặc trên các trạng thái kinh doanh giao dịch mà ngân hàng nắm giữ như trạng thái tiền tệ, trạng thái ngoại hối... Kết quả này cho phép ngân hàng so sánh mức độ rủi ro của các tài sản khác nhau, từ đó đưa ra những quyết định về kiểm soát các hạn mức rủi ro, so sánh với khâu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro của ngân hàng. Kết quả tác động của các cuộc stress test được thể hiện dưới hai dạng chính: (i) các chỉ số về tài chính, như: tỷ lệ an toàn vốn (CAR), mức độ tổn thất hoặc (ii) các tỷ lệ an toàn về thanh khoản (*IMF, WB, 2005*). Từ đó, ngân hàng sẽ điều chỉnh và phân bổ vốn thích hợp cho những hoạt động kinh doanh khác nhau.

Dựa vào các tiêu chí khác nhau, stress test được chia thành nhiều loại kiểm tra cảng thẳng khác nhau: dựa vào hướng tiếp cận, dựa vào loại hình rủi ro được xây dựng trong kịch bản, dựa vào kết quả của các cuộc stress test (*Sorge, M., 2004*). *Phân loại theo kết quả tác động:* Kết quả thực hiện stress test thường được thể hiện ở hai hình thức: Mức độ tác động vào vốn hoặc mức độ tác động vào khả năng thanh khoản. *Phân loại theo cách tiếp cận:* Bao gồm kiểm tra sức chịu đựng theo khảo hướng từ trên xuống (Top - down approach) và kiểm tra sức chịu đựng theo khảo hướng từ dưới lên (Bottom - up approach). *Phân loại theo phương pháp kiểm định:* Dựa vào sự kiện giả định để gây sốc có một yếu tố gây ra rủi ro biến động hay sự kiện có nhiều yếu tố biến động đồng thời mà stress test chia ra làm hai phương pháp là phương

pháp kiểm tra độ nhạy (sensitive test) và phương pháp kiểm tra theo kịch bản (scenario test). *Phân loại theo rủi ro:* Tuỳ thuộc vào loại rủi ro, stress test chia ra phù hợp cho từng loại rủi ro: stress test rủi ro tín dụng, stress test rủi ro thị trường, stress test rủi ro thanh khoản và stress test các rủi ro khác.

Phương pháp nghiên cứu

Mô hình stress test trong bài nghiên cứu dựa trên hai mô hình stress test riêng lẻ đối với cú sốc rủi ro lãi suất và cú sốc rủi ro tỷ giá của Martin Cihak. Trong đó, nghiên cứu tiến hành chạy mô hình stress test lãi suất dựa vào cơ sở lý thuyết được nêu ở phần đầu nhóm tác giả tiến hành tính toán mức độ tác động đến tỷ giá và chạy mô hình stress test rủi ro tỷ giá và cuối cùng tổng hợp hai mức tác động đến vốn tự có và hệ số an toàn vốn của các NHTM Việt Nam.

Tóm tắt các bước chạy mô hình

Bước đầu tiên: nhóm tác giả tiến hành tổng hợp số liệu từ dữ liệu đầu vào của hai mô hình stress test rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá và tiến hành tính toán.

Bước thứ hai: nhóm tác giả xây dựng kịch bản gây sốc đối với rủi ro lãi suất, chạy stress test cho rủi ro lãi suất, sau đó, tính toán tốc độ thay đổi tỷ giá. Tiếp theo, nhóm tác giả tiến hành kiểm tra sức chịu đựng của các NHTM đối với các mức tác động tỷ giá vừa tính toán được.

Bước cuối cùng: nhóm tác giả tiến hành cộng gộp mức tác động đến vốn tự có của các ngân hàng sau hai cú sốc và tính toán lại hệ số an toàn vốn và thống kê kết quả.

Dữ liệu đầu vào: Mô hình kiểm tra sức chịu đựng của các NHTM Việt Nam đối với đồng thời hai cú sốc lãi suất và cú sốc tỷ giá được

thực hiện dựa trên mô hình của IMF và dữ liệu đầu vào được nhóm tác giả thu thập từ BCTC, BCTN năm 2012 của 20 NHTM Việt Nam đáp ứng nhu cầu về số liệu cần cho việc chạy mô hình được trình bày ở bảng 1. Các ngân hàng tham gia thực hiện stress test đồng thời hai cú sốc rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá.

Những giả định của mô hình

Vốn tự có trong công thức tính toán hệ số an toàn vốn được thay thế bằng vốn chủ sở hữu của các ngân hàng tham gia kiểm tra sức chịu đựng rủi ro lãi suất.

Tài sản có rủi ro bao gồm cả tài sản có rủi ro nội bảng và tài sản có rủi ro ngoại bảng không thay đổi trước sự biến động của lãi suất và tỷ giá.

Giá định tất cả mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau đều biến động như nhau đối với tài sản có nhạy cảm với lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất.

Tất cả tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất đều đến hạn hoặc ổn định lãi suất trong vòng 1 năm.

Một sự mất giá của đồng nội tệ sẽ dẫn đến sự mất giá tương ứng của giá trị đồng nội tệ trong trạng thái mở rộng và tương ứng trực tiếp gây ra sự thay đổi về vốn của ngân hàng.

Cú sốc về rủi ro tỷ giá khiến cho một số nợ đủ tiêu chuẩn trở thành nợ xấu. Nhóm tác giả đưa ra giả định về chỉ tiêu này dựa trên dữ liệu lịch sử mà chi tiết là dựa vào số liệu thống kê trong năm 2012. Dựa theo kết quả tổng hợp của nhóm tác giả việc đồng nội tệ mất giá 100% sẽ khiến cho 3% dư nợ ngoại tệ trở thành nợ xấu. Do đó, nhóm tác giả đưa ra giả định là 3% dư nợ ngoại tệ sẽ trở thành nợ xấu khi có sự biến động về tỷ giá.

Bảng 1: Các NHTM Việt Nam tham gia thực hiện stress test

STT	Tên viết tắt	Tên đầy đủ Tiếng Việt
1	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
2	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
3	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam
4	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
5	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn thương tin
6	DAF	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á
7	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
8	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam
9	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ký thương Việt Nam
10	SHB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội
11	PNB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam
12	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh vượng
13	SCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn
14	OAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương
15	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Tp. HCM
16	NVB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt
17	NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
18	BVT	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
19	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam
20	BAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Bảng 2: Kịch bản chạy mô hình kết hợp cú sốc lãi suất và tỷ giá

Kịch bản	Các giả định gây sốc	Phản phối xác suất
1	Lãi suất tăng khoảng 500 điểm cơ bản (tăng 5%)	20%
2	Lãi suất tăng khoảng 600 điểm cơ bản (tăng 7%)	20%
3	Lãi suất tăng khoảng 700 điểm cơ bản (tăng 7%)	20%
4	Lãi suất tăng khoảng 800 điểm cơ bản (tăng 8%)	20%
5	Lãi suất tăng khoảng 900 điểm cơ bản (tăng 9%)	20%

Nguồn: Giả định của nhóm tác giả

Bảng 3: Tốc độ thay đổi tỷ giá sau tác động của sự biến động lãi suất

STT	Sự biến động của lãi suất	Tốc độ thay đổi tỷ giá
1	5%	3.96%
2	6%	4.95%
3	7%	5.94%
4	8%	6.93%
5	9%	7.92%

Nguồn: Kết xuất từ kết quả chạy mô hình

Giả định tỷ lệ phần trăm dự phòng được trích lập: Cũng dựa theo mức dự phòng trung bình được lập tại các ngân hàng và dự phòng của các ngân hàng tham gia thực hiện stress test năm 2012, ta thấy mức dự phòng được trích lập cho các khoản nợ xấu là 65% năm 2012. Do đó, trong bài nghiên cứu nhóm tác giả cũng giả định mức trung bình 20 NHTM Việt Nam trích lập dự phòng là 65% trên khoản nợ xấu phát sinh.

Xây dựng kịch bản

Nhóm tác giả xây dựng kịch bản cú sốc lãi suất sao cho những lãi suất này đủ lớn tác động đến tỷ giá. Tuy nhiên, kể cả trong trường hợp chọn lựa kịch bản một cách kỹ càng nhưng số lượng kịch bản

VND mất giá, đặc biệt là trong giai đoạn nền kinh tế khó khăn cần đẩy mạnh xuất khẩu như hiện nay (ngoại trừ năm 2007 - năm tỷ giá giảm VND đã lên giá khoảng 1%). Do đó, việc nhóm tác giả xây dựng mức lãi suất này làm VND mất giá là hợp lý với tình hình thị trường tài chính Việt Nam. (Bảng 2)

Dựa vào học thuyết ngang giá lãi suất trình bày ở phần cơ sở lý thuyết, nghiên cứu tiến hành tính toán mức tác động của lãi suất đối với tỷ giá như sau: (Bảng 3)

Tiến hành chạy mô hình

Tác giả tiến hành tính toán vốn tự có và hệ số CAR đổi với từng kịch bản xây dựng với mức thay đổi của lãi suất và tỷ giá theo bảng 4:

Trong đó:

Thay đổi thu nhập lãi ròng của cả danh mục = GAP gộp (<12 tháng) * thay đổi về lãi suất.

Vốn sau sốc = Vốn trước sốc + thay đổi trong thu nhập lãi ròng của danh mục.

Tác động của cú sốc đối với vốn = $\text{Trạng thái ngoại tệ mở rộng} * \text{Cú sốc tỷ giá giả định}$.

Vốn sau sốc = vốn trước sốc + Tác động của cú sốc đối với vốn.

CAR sau sốc = $\text{Vốn sau sốc} / \text{Tài sản có rủi ro}$.

Thay đổi trong CAR theo phương pháp trực tiếp = $\text{CAR sau sốc} - \text{CAR trước sốc}$.

Số nợ xấu tăng thêm = $\text{Cú sốc tỷ giá giả định} * \text{Phần trăm dư nợ ngoại tệ trở thành nợ xấu khi đồng nội tệ mất giá} * \text{dư nợ ngoại tệ}$.

Dự phòng mới = $\text{Số nợ xấu tăng thêm} * \text{Tỷ lệ dự phòng cho số nợ xấu tăng thêm}$.

Vốn sau sốc = $\text{Vốn sau sốc} - \text{phương pháp tỷ giá trực tiếp} - \text{Dự phòng mới}$.

CAR sau sốc = **Vốn sau sốc / Tài sản có rủi ro.**

Thay đổi trong CAR theo phương pháp gián tiếp = **CAR sau sốc - CAR sau sốc theo phương pháp tỷ giá trực tiếp.**

Chênh lệch lãi suất VND và USD = **lãi suất VND - lãi suất USD.**

Tốc độ thay đổi tỷ giá = **(Chênh lệch lãi suất VND và USD) / (1 + lãi suất USD).**

Tổng vốn sau sốc = **Vốn trước sốc - Vốn sau sốc lãi suất - Vốn sau sốc tỷ giá.**

CAR sau 2 cú sốc = **Tổng vốn sau sốc / Tài sản có rủi ro.**

Sau khi xây dựng kịch bản cú sốc lãi suất tác động đến tốc độ thay đổi tỷ giá, nghiên cứu tiến hành tính toán tốc độ thay đổi tỷ giá. Sau đó, lấy kết quả này tiến hành chạy stress test đối với rủi ro tỷ giá để do lường kết quả thay đổi hệ số CAR.

Kết quả nghiên cứu

Từ bảng 5 ta thấy, số ngân hàng không đảm bảo hệ số an toàn vốn do thiếu vốn tự có tăng lên nhanh chóng từ 5 ngân hàng lên đến 7 ngân hàng, trong đó có xảy ra trường hợp ngân hàng thiếu vốn trầm trọng (<2%). So với kết quả chạy mô hình stress test từng rủi ro riêng lẻ thì chạy đồng thời hai cú sốc rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá làm cho các ngân hàng rơi vào tình trạng không đảm bảo yêu cầu về CAR tăng lên. Nghiên cứu sẽ phân tích chi tiết các tác động về vốn tự có và hệ số CAR sau tác động đồng thời của hai loại rủi ro này.

Tác động đến vốn tự có của ngân hàng

Vốn tự có của ngân hàng sau khi thực hiện đồng thời 2 cú sốc rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá có sự thay đổi đáng kể được thể hiện tại hình

1. **Sự thay đổi vốn tự có sau 2 cú sốc.** Trong đó, PNB thay đổi về vốn tự có là cao nhất, đó là giảm tới hơn 58,2%, tiếp con số đáng kể, tiếp đó là ACB giảm 20,69%, OAB giảm 20,2%, NVB giảm gần 20%, TCB giảm 15,95%. Bên cạnh đó, có những ngân hàng có mức biến động vốn tự có rất thấp như NAB giảm 0,03%, MBB giảm 0,52% và các ngân hàng còn lại có mức biến động 5% - 10%. Tuy nhiên, không phải vốn tự có tất cả các ngân hàng đều giảm, có các ngân hàng có vốn tự có tăng lên khi có sự biến động đồng thời của hai cú sốc rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đó là BID tăng gần 10%, CTG tăng 7,1%, VCB tăng 5,3%, BVT tăng 3,54%. Điều này khẳng định một lần nữa không phải những biến động của lãi suất và tỷ giá đều mang lại tổn thất cho ngân hàng, điều này tuỳ thuộc vào việc ngân hàng duy trì khe hở lãi suất và trạng thái ngoại tệ như thế nào.

Tác động đến hệ số CAR của ngân hàng

Nghiên cứu tiến hành tính toán hệ số CAR của ngân hàng và so sánh giữa các mô hình stress test riêng lẻ và đồng thời 2 cú sốc. Nhìn vào hình 2 ta thấy, CAR sau khi thực hiện đồng thời 2 cú sốc lãi suất và tỷ giá thấp hơn tương đối so với việc CAR sau từng cú sốc riêng lẻ. (Chi tiết xem ở phần lục). PNB vẫn là ngân hàng có CAR thấp nhất và trong tình trạng thiếu vốn trầm trọng, các ngân hàng tuy có vốn điều lệ thấp (< 5.000 tỷ đồng) như BAB, NAB, NVB vẫn giữ được CAR cao trong tình trạng tốt. Tuy nhiên, các ngân hàng thương mại có vốn tự có lớn như: BID, ACB vẫn duy trì CAR ở mức thích hợp.

Bảng 4: Tiến trình chạy mô hình kết hợp rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá

STT	Khoản mục	Ngân hàng
Stress test rủi ro lãi suất		
1	Biên độ dao động của lãi suất	
2	Tác động của thu nhập lãi ròng	
3	Vốn sau sốc lãi suất	
4	CAR sau sốc lãi suất	
Stress test rủi ro tỷ giá		
5	Lãi suất ngoại tệ (USD)	
6	Chênh lệch lãi suất giữa VND và USD	
7	Tốc độ thay đổi tỷ giá	
8	Tác động đến trạng thái ngoại hối	
9	Vốn sau sốc tỷ giá theo phương pháp trực tiếp	
10	Khoản vay bằng ngoại tệ	
11	% nợ xấu của khoản vay ngoại tệ	
12	Nợ xấu gia tăng	
13	Tỷ lệ dự phòng trên khoản nợ xấu tăng thêm	
14	Dự phòng mới	
15	Vốn sau sốc theo phương pháp gián tiếp	
16	Tổng vốn sau sốc tỷ giá	
17	CAR sau sốc tỷ giá	
Stress test đồng thời 2 cú sốc lãi suất và tỷ giá		
18	Tổng vốn sau sốc	
19	Tài sản có rủi ro	
20	CAR sau 2 cú sốc	

Nguồn: Kết xuất từ dữ liệu chạy mô hình

Bảng 5: Kết quả chạy mô hình kiểm tra sức chịu đựng đồng thời 2 cú sốc lãi suất và tỷ giá

Kịch bản	1	2	3	4	5
Tốt (>10%)	13	13	13	12	12
Thích hợp (>9%)	2	2	1	2	1
Thiếu vốn (<9%)	5	5	6	6	7
Thiếu vốn rõ rệt (<6%)	0	1	1	1	0
Thiếu vốn trầm trọng (<2%)	0	0	0	0	1

Nguồn: Kết xuất từ kết quả chạy mô hình

Kết luận nghiên cứu

Ưu điểm

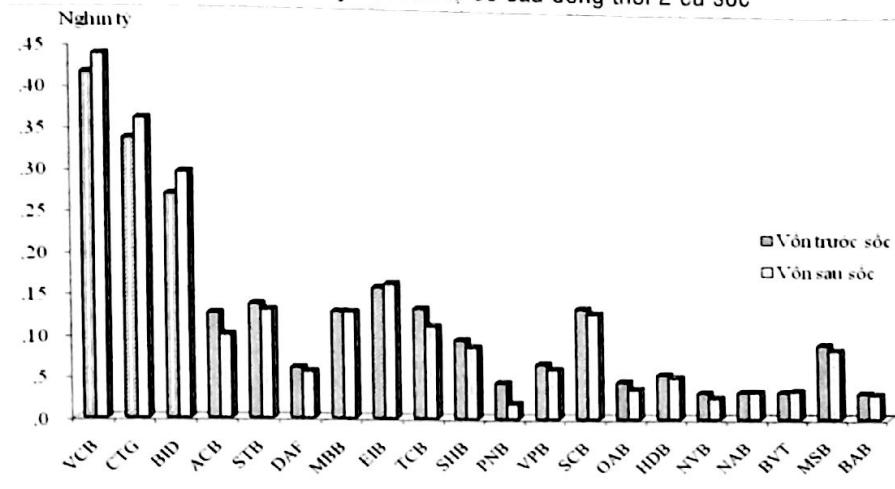
Ưu điểm của mô hình là phương pháp đo lường rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đơn giản, dễ thực hiện. So với những mô hình định lượng rủi ro lãi suất khác thì mô hình định giá lại cung cấp thông tin về cơ cấu tài sản có và tài sản nợ sẽ được định giá lại; dễ dàng xác định được sự thay đổi của thu nhập ròng và lãi suất mỗi khi lãi suất thị trường biến đổi và phương pháp rủi ro tỷ giá trực tiếp và gián tiếp dữ liệu đầu vào cũng dễ dàng thu thập được từ BCTC, BCTN của các ngân hàng.

Việc cập nhật dữ liệu đầu vào và xây dựng kịch bản thuận lợi: Việc áp dụng bảng tính excel để chạy mô hình giúp cho việc cập nhật dữ liệu cho ra kết quả nhanh chóng và chính xác. Hơn nữa, điều này giúp cho các nhà quản trị có thể thực hiện nhiều kịch bản để kiểm tra sức chịu đựng trong nhiều tình huống khác nhau.

Dễ dàng áp dụng mô hình để kiểm soát rủi ro thị trường tại chính các NHTM Việt Nam. Với mô hình stress test được thực hiện trong nghiên cứu, bản thân các ngân hàng hoàn toàn có khả năng tự thực hiện và áp dụng vào công tác quản trị rủi ro tại ngân hàng mình. Các ngân hàng còn có thể tự xây dựng, các kịch bản sốc thị trường có thể xảy ra và kết hợp nhiều tình huống khác nhau cho ngân hàng mình. Các ngân hàng có thể đưa thêm các dữ liệu về rủi động mang lại thu nhập, tổn thất đánh giá toàn diện hơn rủi ro mà ngân hàng đang phải đối mặt. Điều này phù hợp với từng bản thân của chính các ngân hàng.

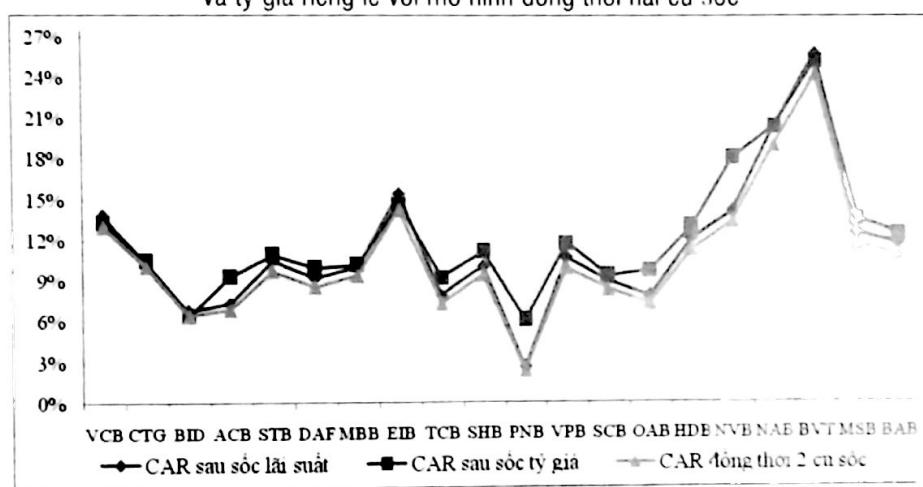
Mô hình đánh giá được sự tác

Hình 1: Sự thay đổi vốn tự có sau đồng thời 2 cú sốc



Nguồn: Kết xuất từ kết quả chạy mô hình

Hình 2: Hệ số CAR từng mô hình stress test lãi suất và tỷ giá riêng lẻ với mô hình đồng thời hai cú sốc



Nguồn: Kết xuất từ kết quả chạy mô hình

đóng đồng thời hai cú sốc thị trường là lãi suất và tỷ giá: Đây được xem là ứng dụng quan trọng nhất của mô hình, đặc biệt đối với các ngân hàng như BID, nếu chỉ xét riêng từng cú sốc thì khả năng đáp ứng hệ số CAR được xem là khá tốt nhưng khi xem xét tác động của đồng thời hai cú sốc lãi suất và tỷ giá thì kết quả mang lại không như mong đợi. Hầu hết các yếu tố trên thị trường đều có mối tương quan với nhau, một yếu tố này thay đổi có thể kéo theo nhiều yếu tố khác biến đổi theo. Do đó, sẽ là phiến diện nếu chỉ xem xét riêng lẻ từng cú sốc như vậy và mô hình trong nghiên cứu đã khắc phục được nhược điểm này, tức là nó đã xét đến mối tương quan giữa các yếu tố trên thị trường.

Nhược điểm

Chất lượng dữ liệu đầu vào không được đảm bảo nên kết quả mang lại không được chính xác: Chất lượng đầu vào là yêu cầu lớn nhất để đảm bảo kết quả mang lại chính xác. Dữ liệu đầu vào cần cho việc chạy mô hình khá chi tiết từng khoản mục. Tuy nhiên, với tình hình thị trường tài chính Việt Nam việc công bố thông tin chậm trễ và không minh bạch tất yếu kết quả mang lại không chính xác, phản ánh không đúng tình trạng các ngân hàng là điều không thể tránh khỏi. Các NHTM Việt Nam đáp ứng được yêu cầu về cơ sở dữ liệu để tiến hành chạy mô hình vẫn còn hạn chế. Các NHTM nhỏ, việc công bố thông tin không đầy đủ, không đáp ứng được yêu

cầu dâu vào như việc không phân chia theo kỳ hạn đối với khe hở lãi suất hay không phân chia trạng thái ngoại hối theo từng loại ngoại tệ khác nhau... Điều này gây khó khăn rất lớn trong việc đánh giá rủi ro cho toàn hệ thống.

Chưa có hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu, gây khó khăn trong việc kết xuất dữ liệu: Hệ thống các NHTM Việt Nam chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ các thông số liên quan đến từng ngân hàng và các thông số liên quan, gây khó khăn cho việc kết xuất dữ liệu chạy mô hình nhất là trong việc xây dựng kịch bản để gây sốc. Cở sở để gây sốc theo hướng dẫn của Uỷ ban Basel thì số liệu ít nhất là phải từ 1-2 chu kỳ kinh tế tức là khoảng từ 10-15 năm. Ở Việt Nam thì hoàn toàn không có hệ thống lưu trữ số liệu với thời gian như vậy. Hơn thế nữa, sai lệch về chuẩn mực kế toán Việt Nam và kế toán quốc tế trong việc hạch toán tỷ số CAR trong những năm gần đây xoay quanh 2%. Nếu theo ước lượng này thì hầu hết các ngân hàng Việt Nam đều rơi vào tình trạng thiếu hụt vốn. Do vậy, việc so sánh giữa các ngân hàng là không hoàn toàn chính xác.

Việc xây dựng kịch bản, giả định gây sốc chủ yếu dựa vào quan điểm cá nhân của nhóm tác giả: Các kịch bản, giả định được đưa ra phải cực độ và có khả năng xảy ra, tuy nhiên, hiện nay, lại không có hướng dẫn hay quy định nào của NHNN về việc xây dựng kịch bản và chọn lựa cú sốc. Vì vậy, với mô hình được thực hiện vậy, với mô hình được thực hiện trong nghiên cứu thực hiện các giả định về cú sốc chủ yếu dựa trên quan điểm của cá nhân. Do đó, kết quả mang lại có thể không sát với thực tế.

Phương pháp do lường rủi ro lãi

suất và tỷ giá tuy đơn giản nhưng lại có một số nhược điểm. Đối với rủi ro lãi suất, tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ nhạy cảm lãi suất được tính theo kỳ hạn, kỳ hạn càng dài thì sai số càng lớn trong tính toán, vì thế, thời kỳ tính khe hở nhạy cảm lãi suất rất quan trọng trong việc đánh giá trạng thái nhạy cảm lãi suất thực tế của một ngân hàng. Việc đưa ra giả định đối với mô hình, đó là tất cả các tài sản có và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất đáo hạn trong vòng 1 năm có thể gây ra sai lệch trong việc do lường rủi ro. Đối với rủi ro tỷ giá, phương pháp trực tiếp chỉ dừng lại ở việc đánh giá tác động của sự thay đổi tỷ giá đến trạng thái ngoại tệ, qua đó, tác động đến tỷ lệ an toàn vốn thì chưa thể hiện đầy đủ ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá.

Một số đề xuất đối với các NHTM Việt Nam

Thứ nhất, đánh giá vốn tự có và phân chia nguồn vốn phù hợp: Đối với các ngân hàng không đáp ứng được yêu cầu về nguồn vốn, các ngân hàng cần phải kiểm tra nguồn vốn có thể có trong tương lai, vốn bổ sung mà ngân hàng cần phải bù đắp khi xảy ra kịch bản bất lợi. Ngoài việc xem xét giá trị vốn tự có, tài sản có rủi ro ngân hàng cần phải xem xét các tỷ lệ bổ sung khác như tỷ lệ đòn bẩy và các tỷ lệ dựa trên các định nghĩa nội bộ của ngân hàng về nguồn lực tài chính. Bên cạnh đó, còn phải xem xét mức chi phí hợp lý để nâng cao mức vốn như thế nào? Trong điều kiện nền kinh tế vừa mới vượt qua khủng hoảng còn nhiều khó khăn như hiện nay thì các ngân hàng cần có lộ trình tăng vốn phù hợp. Trong lộ trình tăng vốn ấy, cần đề ra những biện pháp thực hiện cụ thể và mục tiêu của

từng thời kỳ để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả đạt được và đề ra biện pháp khắc phục. Cần phân chia phù hợp nguồn vốn của ngân hàng với mức độ rủi ro cho phép khi thực hiện các nghiệp vụ trong hoạt động ngân hàng.

Thứ hai, lựa chọn phương pháp kỹ thuật và quy mô cú sốc đối với từng loại rủi ro: Đối với rủi ro lãi suất thì cần quản trị khe hở lãi suất bằng các chiến lược như: chiến lược quản lý khe hở nhạy cảm lãi suất tích luỹ, chiến lược quản lý khe hở năng động, chiến lược quản lý khe hở nhạy cảm lãi suất mang tính nhạy cảm... và quản trị khe hở kỳ hạn theo chiến lược chủ động hay chiến lược thụ động. Đối với rủi ro tỷ giá, ngân hàng luôn duy trì một sự cân xứng tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ nhằm duy trì một trạng thái ngoại hối rộng ở mức hợp lý. Ngoài ra ngân hàng cần đa dạng hóa các loại ngoại tệ là cách phòng tránh rủi ro trong hoạt động ngoại hối của ngân hàng. Xây dựng các hạn mức kinh doanh ngoại tệ, khống lượng giao dịch, giới hạn loại tiền kinh doanh một cách hợp lý và linh hoạt ví dụ như cho vay loại ngoại tệ này nhưng thu nợ bằng loại ngoại tệ khác ổn định hơn hoặc sử dụng các công cụ phái sinh.

Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả công tác thực hiện stress test đối với cú sốc rủi ro thị trường.

Nâng cao chất lượng đầu vào bằng những quy định của NHNN: Nhằm đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng dữ liệu đầu vào, nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị sau:

NHNN cần quy định mẫu báo cáo và nội dung thống nhất đối với tất cả các ngân hàng: Do vậy, có thể đưa ra các kết quả cung cấp

dầy đủ thông tin theo yêu cầu để việc tính các chỉ số được thống nhất và cho ra kết quả chính xác và nhất quán giữa các ngân hàng với nhau. Hơn nữa, NHNN cũng cần quy định về công bố thông tin đúng hạn, đầy đủ, minh bạch và có biện pháp xử lý nếu phát hiện sai phạm.

Khuyến khích các NHTM áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế: Hệ thống tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9000:2000) sẽ giúp ngân hàng giảm được chi phí sản xuất, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao chất lượng và đặc biệt là quản trị rủi ro một cách hiệu quả. NHNN cũng nên quy định bắt buộc tất cả các ngân hàng đều thực hiện stress test và báo cáo về cho NHNN. Bởi vì, các ngân hàng nhỏ cần phải thực hiện stress test để xác định các ngân hàng thật sự không có khả năng chống chịu rủi ro, từ đó, đưa ra các biện pháp giải quyết đối với các ngân hàng này như thực hiện tái cấu trúc thông qua hợp nhất, sáp nhập.

Bên cạnh đó, việc làm song song là cần phải tái cấu trúc các ngân hàng yếu kém nhằm xây dựng thị trường tài chính hiệu quả. Vấn đề tái cấu trúc hiện nay đang được NHNN hết sức quan tâm, hàng loạt các ngân hàng yếu kém hợp nhất, sáp nhập, kể từ cuối năm 2011, làm thanh lọc hệ thống ngân hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Vì thế, đây tiếp tục được xem là biện pháp hiệu quả nhằm hoàn thiện và phát triển thị trường tài chính Việt Nam ngày càng vững mạnh và bền vững.

Xây dựng hệ thống core banking để lưu trữ dữ liệu của từng ngân hàng cũng như của hệ thống ngân trung tâm lưu trữ dữ liệu ngân

hang vì đây chính là điều kiện đủ để thực hiện stress test trong tương lai, đảm bảo kết quả mang lại phản ánh đúng thực tế.

NHNN cần phải ban hành những hướng dẫn, quy định về cách thức thực hiện stress test cũng như xây dựng kịch bản. Về dài hạn, khi NHNN thực hiện Basel 2 (Trụ cột 2) tức là các ngân hàng sẽ chủ động thực hiện stress test và báo cáo kết quả cho NHNN. Theo đó, NHNN cần ban hành văn bản hướng dẫn khuôn khổ thực hiện stress test bao gồm xác định phương pháp thực hiện, cách thức tiến hành stress test sau khi đã trình bày nội dung cũng như mục đích của chương trình quy định về các quy mô sốc hợp lý cho từng loại rủi ro, các yêu cầu về dữ liệu và đặc biệt là các giả định xây dựng kịch bản để các ngân hàng thực hiện.

Nâng cao chất lượng các công cụ đo lường rủi ro và áp dụng những phương pháp đo lường rủi ro mới: Để xác định được mức độ rủi ro trong các hoạt động của NHTM một cách chính xác hơn, các NHTM cần phải nâng cao chất lượng các công cụ đo lường rủi ro cũ và tiếp tục áp dụng các công cụ đo lường rủi ro mới. Chẳng hạn, đối với việc dự báo tỷ giá, để dự đoán được sự tăng hoặc giảm của tỷ giá, NHTM cần đánh giá được tình hình ngoại tệ đó trên thị trường qua màn hình Reuter và áp dụng mô hình dự báo tỷ giá thích hợp, tìm ra giải pháp để ngăn ngừa rủi ro tỷ giá thích hợp.

Ngoài ra, đội ngũ nhân lực cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ nhạy bén, biết phân tích tình hình quản trị ngân hàng, chịu trách nhiệm đảm bảo ngân hàng có đủ vốn để hỗ trợ xử lý

tất cả các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình huy động. Ví dụ, với rủi ro thị trường, ngân hàng cần có phương pháp cho phép họ có thể đánh giá và tích cực quản lý tất cả các rủi ro trên thị trường vật chất ở bất cứ nơi nào có hoạt động. Đối với các ngân hàng quy mô lớn, những đánh giá về an toàn vốn nội bộ cho các rủi ro thị trường ở mức tối thiểu nên được dựa trên mô hình VAR và stress test, bao gồm đánh giá các rủi ro tập trung và đánh giá khả năng thanh khoản theo các kịch bản thị trường. Hơn nữa, ngân hàng cũng cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và chuyên môn hoá công tác xử lý rủi ro đến từng phòng, ban.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Chen, Schmid, Claus Pühr and Maher Hasan (2011), "Next generation balance sheet stress testing", IMF working paper WP/11/13.
- IMF, WB (2005), "Financial sector assessment handbook", IMF working paper WP 05
- Marta Chuk (2007), "Introduction to applied stress testing", IMF working paper WP 07/59.
- Noyan Babaee Owlam (2010), "Applying stress test to market risk modeling".
- Jones, Matthew T., Paul Hilbers, and Graham Slack (2004), "Stress Testing Financial Systems: What to Do When the Governor Calls," IMF Working Papers 04/127.
- Peura, S and E Jokivuolle (2003): "Simulation based stress tests of banks' regulatory capital adequacy", Journal of Banking and Finance, vol 28.
- Winfried Balschke, Matthew T.Jones, Giovanni Majnoni, and Soledad Martinez Peria, (2001), "Stress Testing of Financial Systems: An Overview of Issues, Methodologies, and FSAP Experiences", IMF Working paper 01/88.
- Bùi Định Phương Dung (2012), Mô hình Stress-Testing trong Quản trị thanh khoản ngân hàng, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Dương Quốc Anh và nhóm tác giả (2012), "Phương pháp luân đánh giá sức chịu đựng của tổ chức tín dụng trước các cú sốc trên thị trường tài chính (Stress Testing)", Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.
- GS., TS. Nguyễn Văn Tiến, (2005), "Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng", NXB Thống kê.
- GS., TS. Nguyễn Văn Tiến, (2011), "Giáo trình tài chính quốc tế", NXB Thống kê.
- Học viện Ngân hàng, (2001), "Quản trị ngân hàng", NXB Thống kê.
- Peter S. Rose, (2004), "Quản trị ngân hàng thương mại", Đại học Kinh tế quốc dân dịch, NXB Tài chính.
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam (2013), "Giám sát hệ thống tài chính: Chỉ tiêu và mô hình định lượng".